

**CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2021**  
**ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN NĂM 2018,2019,2020**

| T<br>T | Nhóm<br>ngành | Mã ngành     |                   | Tên ngành                                   | Chỉ<br>tiêu | Tổ hợp môn xét<br>tuyển | Năm 2018    |                     |           | Năm 2019    |                     |           | Năm 2020    |                     |           |
|--------|---------------|--------------|-------------------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------|-------------|---------------------|-----------|-------------|---------------------|-----------|-------------|---------------------|-----------|
|        |               | Cơ sở Hà Nội | Cơ sở Nam<br>Định |                                             |             |                         | Chỉ<br>tiêu | Điểm trúng<br>tuyển |           | Chỉ<br>tiêu | Điểm trúng<br>tuyển |           | Chỉ<br>tiêu | Điểm trúng<br>tuyển |           |
|        |               |              |                   |                                             |             |                         |             | Thi<br>THPT         | Học<br>bạ |             | Thi<br>THPT         | Học<br>bạ |             | Thi<br>THPT         | Học<br>bạ |
| 1      | VII           | 7220201DKK   | 7220201DKD        | Ngôn ngữ Anh                                | 370         | A01; D01                | 0           | 0                   | 0         | 30          | 15,5                | 18,5      | 211         | 16                  | 18,5      |
| 2      | III           | 7340101DKK   | 7340101DKD        | Quản trị kinh<br>doanh                      | 665         | A00; A01; D01; C01      | 300         | 16,75               | 20        | 400         | 16,75               | 20,5      | 600         | 17,5                | 18,5      |
| 3      | III           | 7340121DKK   | 7340121DKD        | Kinh doanh<br>thương mại                    | 150         | A00; A01; D01; C01      | 70          | 16,5                | 19        | 87          | 16,75               | 19        | 150         | 17                  | 19,5      |
| 4      | III           | 7340201DKK   | 7340201DKD        | Tài chính - Ngân<br>hàng                    | 675         | A00; A01; D01; C01      | 250         | 15,75               | 18,5      | 330         | 15                  | 18,5      | 322         | 16                  | 18,5      |
| 5      | III           | 7340301DKK   | 7340301DKD        | Kế toán                                     | 935         | A00; A01; D01; C01      | 500         | 16,5                | 19,5      | 768         | 15,5                | 19,5      | 900         | 17                  | 19,5      |
| 6      | V             | 7480102DKK   | 7480102DKD        | Mạng máy tính<br>và truyền thông<br>dữ liệu | 100         | A00; A01; D01; C01      | 50          | 15,5                | 19        | 50          | 16,5                | 19        | 131         | 17,5                | 20        |
| 7      | V             | 7480108DKK   | 7480108DKD        | CNKT Máy tính                               | 180         | A00; A01; D01; C01      | 0           | 0                   | 0         | 0           | 0                   | 0         | 30          | 17,5                | 0         |
| 8      | V             | 7480201DKK   | 7480201DKD        | Công nghệ thông<br>tin                      | 400         | A00; A01; D01; C01      | 70          | 18,5                | 23,5      | 240         | 18,5                | 21,5      | 600         | 19,5                | 22        |
| 9      | V             | 7510201DKK   | 7510201DKD        | Công nghệ kỹ<br>thuật cơ khí                | 110         | A00; A01; D01; C01      | 100         | 17,25               | 20        | 200         | 16                  | 19,5      | 330         | 17                  | 20        |

|             |     |            |            |                                     |             |                    |             |       |      |             |       |      |             |      |      |
|-------------|-----|------------|------------|-------------------------------------|-------------|--------------------|-------------|-------|------|-------------|-------|------|-------------|------|------|
| 10          | V   | 7510203DKK | 7510203DKD | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử       | 110         | A00; A01; D01; C01 | 50          | 15,75 | 19   | 109         | 16    | 19   | 174         | 18,5 | 20,5 |
| 11          | V   | 7510301DKK | 7510301DKD | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử    | 115         | A00; A01; D01; C01 | 70          | 17,75 | 22,5 | 126         | 17,5  | 21   | 330         | 18,5 | 21,5 |
| 12          | V   | 7510302DKK | 7510302DKD | CNKT điện tử - viễn thông           | 250         | A00; A01; D01; C01 | 100         | 16,25 | 19   | 206         | 15,5  | 18   | 245         | 16,5 | 19   |
| 13          | V   | 7510303DKK | 7510303DKD | CNKT điều khiển và tự động hóa      | 170         | A00; A01; D01; C01 | 70          | 18    | 22,5 | 120         | 18,25 | 22,5 | 325         | 18,5 | 22   |
| 15          | V   | 7540202DKK | 7540202DKD | Công nghệ sợi, dệt                  | 45          | A00; A01; D01; C01 | 35          | 15    | 18   | 46          | 15    | 18   | 35          | 15   | 18   |
| 16          | V   | 7540204DKK | 7540204DKD | Công nghệ dệt, may                  | 178         | A00; A01; D01; C01 | 70          | 18,5  | 22,5 | 200         | 17,5  | 21,5 | 285         | 18   | 21,5 |
| 14          | V   | 7540101DKK | 7540101DKD | Công nghệ thực phẩm                 | 135         | A00; A01; B00; D01 | 125         | 16,5  | 18,5 | 119         | 15,5  | 18   | 170         | 16   | 19   |
| 17          | VII | 7810103DKK | 7810103DKD | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 280         | A00; A01; D01; C00 | 0           | 0     | 0    | 0           | 0     | 0    | 30          | 18,5 | 0    |
| <b>Tổng</b> |     |            |            |                                     | <b>4868</b> |                    | <b>1860</b> |       |      | <b>3031</b> |       |      | <b>4868</b> |      |      |